

Phụ lục X

Danh mục lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận NCS và danh sách các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS năm 2021

(Kèm theo Thông báo số 4196/TB-ĐHKT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN)

2.1. Ngành Kinh tế chính trị

| TT | Hướng nghiên cứu | Giảng viên có thể hướng dẫn | Số NCS có thể nhận |
|----|--|--|--------------------|
| 1 | Mô hình phát triển kinh tế - xã hội | PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Trần Quang Tuyền | 1 - 3 |
| 2 | Các loại thị trường ở Việt Nam | PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp TS. Nguyễn Thùy Anh | 1 - 3 |
| 3 | Quan hệ giữa nhà nước và thị trường | PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp TS. Nguyễn Thùy Anh | 1 - 3 |
| 4 | Lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập | PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Trần Quang Tuyền | 1 - 3 |
| 5 | Đổi mới các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam | GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê TS. Trần Quang Tuyền | 1 - 3 |
| 6 | Phát triển kinh tế tư nhân | TS. Trần Quang Tuyền TS. Nguyễn Thùy Anh | 1 - 3 |
| 7 | Phát triển kinh tế tập thể | TS. Trần Quang Tuyền TS. Nguyễn Thùy Anh | 1 - 3 |
| 8 | Thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài | PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Nguyễn Thùy Anh TS. Ngô Đăng Thành | 1 - 3 |
| 9 | Công nghiệp hóa, hiện đại hóa | TS. Trần Quang Tuyền PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp | 1 - 3 |
| 10 | Nông nghiệp, nông thôn và nông dân | PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp GS.TS Phan Huy Đường TS. Hoàng Thu Hương | 1 - 3 |
| 11 | Phát triển kinh tế tri thức | PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Trần Quang Tuyền | 1 - 3 |

| TT | Hướng nghiên cứu | Giảng viên có thể hướng dẫn | Số NCS có thể nhận |
|-----------|---|---|---------------------------|
| 12 | Phát triển ngành, vùng, lĩnh vực kinh tế | GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp PGS.TS Trần Đức Hiệp | 1 – 3 |
| 13 | Hội nhập kinh tế quốc tế | PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp TS. Nguyễn Thùy Anh | 1 – 3 |
| 14 | Tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội | PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Nguyễn Thùy Anh | 1 – 3 |
| 15 | Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường | PGS.TS Trần Đức Hiệp PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp | 1 – 3 |
| 16 | Phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh | PGS.TS Nguyễn Trúc Lê TS. Trần Quang Tuyền | 1 - 3 |

2.2. Ngành Kinh tế Quốc tế:

| TT | Hướng nghiên cứu | Họ tên, học vị, chức danh người có thể hướng dẫn NCS | Số NCS có thể nhận |
|-----------|---|---|---------------------------|
| 1 | Các lý thuyết về kinh tế thế giới, Thương mại Quốc tế, Đầu tư Quốc tế, Tài chính Quốc tế | GS.TS. Phùng Xuân Nhạ PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi PGS.TS. Nguyễn Anh Thu TS. Nguyễn Cẩm Nhung PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi | 1-3 |
| 2 | Chính sách thương mại, tài chính và đầu tư quốc tế: kinh nghiệm của các nước trên thế giới và Việt Nam. | GS.TS. Phùng Xuân Nhạ PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi TS. Nguyễn Cẩm Nhung PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi | 1-3 |
| 3 | Toàn cầu hoá, khu vực hoá và vấn đề hội nhập vào khu vực và thế giới của Việt Nam. | GS.TS. Phùng Xuân Nhạ PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Vũ Anh Dũng PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi | 1-3 |

| TT | Hướng nghiên cứu | Họ tên, học vị, chức danh người có thể hướng dẫn NCS | Số NCS có thể nhận |
|-----------|--|---|---------------------------|
| | | PGS.TS. Nguyễn Anh Thu PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi | |
| 4 | Kinh tế các nước và khu vực. | PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn TS. Nguyễn Cẩm Nhung PGS.TS. Phạm Xuân Hoan PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Vũ Anh Dũng PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi PGS.TS. Nguyễn Anh Thu PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi | 1-3 |
| 5 | Chiến lược và mô hình kinh doanh quốc tế của các Doanh nghiệp trên thế giới và hàm ý đối với Việt Nam. | PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Nguyễn Anh Thu PGS. TS. Vũ Anh Dũng PGS. TS. Nguyễn Việt Khôi | 1-3 |
| 6 | Logistics và chuỗi cung ứng, Chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu. | GS.TS. Phùng Xuân Nhạ PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi | 1-3 |

2.3. Ngành Quản trị kinh doanh:

| TT | Hướng nghiên cứu | Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS | Số NCS có thể nhận |
|-----------|--|---|---------------------------|
| 1 | - Chiến lược cạnh tranh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, ngành, quốc gia. - Tác động của chiến lược tới chiến lược nhân lực; Văn hóa doanh nghiệp. - Quản trị sự thay đổi, tái cơ cấu doanh nghiệp | PGS.TS. Hoàng Văn Hải PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn TS. Đinh Văn Toàn | 3 |
| 2 | - Phát triển năng lực lãnh đạo; - Định hướng lãnh đạo theo chủ thuyết hài hòa Đông – Tây - Văn hóa và Lãnh đạo chiến lược - Quản trị chiến lược Đông – Tây | PGS.TS. Hoàng Văn Hải TS. Lưu Thị Minh Ngọc TS. Nguyễn Phương Mai | 2 |
| 3 | Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp | PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn | 1 |
| 4 | - Phát triển năng lực lãnh đạo, xây dựng khung năng lực cho cán bộ lãnh đạo - Đào tạo, phát triển nhân lực; Thù lao | GS.TS. Lê Quân PGS,TS. Nguyễn Mạnh Tuấn PGS.TS Trần Anh Tài | 2 |

| TT | Hướng nghiên cứu | Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS | Số NCS có thể nhận |
|----|--|--|--------------------|
| | lao động - Quản lý thực hiện công việc - Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp nhà nước - Phát triển nhân lực địa phương | | |
| 5 | - Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo, phát triển nhân lực; Thù lao lao động; Thiết kế tổ chức và bố trí nhân lực; Định mức lao động - Phát triển nhân lực địa phương | TS. Trương Minh Đức TS. Đỗ Xuân Trường TS. Lưu Thị Minh Ngọc | 2 |
| 6 | - Quản trị thương hiệu; Quản trị kênh phân phối. - Phát triển thị trường; Hành vi khách hàng. - Năng lực cạnh tranh; Chiến lược kinh doanh; Chiến lược Marketing | PGS.TS. Hoàng Văn Hải TS. Nguyễn Thị Phi Nga | 1 |
| 7 | - Marketing địa phương, digital marketing, CRM, quản trị thương hiệu, marketing dịch vụ, lập kế hoạch marketing, chiến lược marketing, truyền thông marketing tích hợp, quan hệ công chúng - Xây dựng Chiến lược KD, Chiến lược thu hút đầu tư - Nâng cao năng lực lãnh đạo, XD khung năng lực cho cán bộ lãnh đạo - Quản trị nguồn nhân lực, đào tạo bồi dưỡng nhân viên | TS. Hồ Chí Dũng TS. Vũ Thị Minh Hiền TS. Lưu Thị Minh Ngọc TS. Đỗ Xuân Trường | 2 |
| 8 | - Chiến lược marketing, Hành vi người tiêu dùng, Quản trị thương hiệu - Năng lực cạnh tranh, năng lực động của doanh nghiệp - Khả năng học hỏi của doanh nghiệp và tác động tới kết quả kinh doanh - Năng lực IT và tác động tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; chất lượng dịch vụ | PGS.TS. Hoàng Văn Hải TS. Vũ Thị Minh Hiền | 1 |
| 9 | - Phát triển bền vững các ngành công | PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh | 2 |

| TT | Hướng nghiên cứu | Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS | Số NCS có thể nhận |
|----|--|--|--------------------|
| | nghiệp và dịch vụ dựa trên tiêu chí về chất lượng và môi trường - Các mô hình quản trị hiện đại; Quản trị tinh gọn - Quản trị công nghệ, đổi mới sáng tạo; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; Ứng dụng kỹ thuật mô phỏng trong quản trị hiện đại | PGS,TS Phan Chí Anh | |
| 10 | - Quản trị sản xuất và tác nghiệp - Quản trị chất lượng; Chất lượng dịch vụ - Đổi mới sáng tạo. | PGS.TS. Phan Chí Anh | 2 |
| 11 | Văn hoá doanh nghiệp, Văn hoá tổ chức, Văn hoá công sở... | PGS.TS. Đỗ Minh Cường | 1 |
| 12 | Văn hoá kinh tế, kinh doanh/Văn hoá doanh nhân của quốc gia hoặc theo ngành nghề, vùng miền, địa phương. | PGS.TS. Đỗ Minh Cường TS. Nguyễn Thùy Dung | 1 |
| 13 | Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, hiệp hội; Quản trị, phát triển doanh nghiệp xã hội. | PGS.TS. Đỗ Minh Cường TS. Nguyễn Phương Mai TS. Nguyễn Thùy Dung | 1 |
| 14 | - Lý luận/lý thuyết và sự vận dụng ở nước ta về lãnh đạo, quản lý; Văn hoá lãnh đạo, quản lý; Mối quan hệ giữa văn hoá và lãnh đạo. - Nâng cao/phát triển năng lực lãnh đạo cho các cá nhân và tổ chức (doanh nghiệp hoặc các tổ chức công quyền, sự nghiệp, ngành, địa phương...) - Thể chế, mô hình, phong cách, hiệu quả lãnh đạo và phương pháp đo lường, đánh giá. - Nghiên cứu và vận dụng các tư tưởng, lý thuyết, phương pháp mới vào các lĩnh vực hoạt động giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhân tài trong phạm vi quốc gia, ngành, địa phương, tổ chức. | PGS.TS. Đỗ Minh Cường TS. Nguyễn Thùy Dung | 1 |

2.4. Ngành Tài chính - Ngân hàng

| TT | Hướng nghiên cứu | Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS | Số NCS có thể nhận |
|-----------|--|--|---------------------------|
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Tái cấu trúc ngân hàng - Quản trị công ty trong ngân hàng - Quản trị tài chính - Định giá doanh nghiệp | PGS. TS. Trần Thị Thanh Tú | 1-2 |
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Tài chính cá nhân, giáo dục tài chính và phổ cập tài chính - Dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại (ngân hàng số, công ty fintech..) | TS. Đinh Thị Thanh Vân | 1-2 |
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý hoạt động ngân hàng - Thực tiễn về quản lý tiền tệ- lãi suất - Hoạt động tài chính vi mô: tài chính tiêu dùng và tài chính doanh nghiệp xã hội | TS. Nguyễn Phú Hà | 1-2 |
| 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề tài chính vĩ mô - Kinh tế xanh | TS. Trần Thị Vân Anh | 1-2 |
| 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài chính - Lập kế hoạch chiến lược - Quản lý ngân sách địa phương - Đầu tư tài chính, quản trị rủi ro | PGS.TS. Lê Trung Thành | 1-2 |
| 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Mối quan hệ giữa lãi suất và các biến số kinh tế - Tỷ giá, khu vực tiền tệ, đôla hóa nền kinh tế - Ngân sách, huy động các nguồn lực tài chính. | PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn | 1-2 |
| 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Tài chính công - Tài chính ngân hàng | PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu | 1-2 |

2.5. Chuyên ngành Quản lý kinh tế

| TT | Hướng nghiên cứu | Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS | Số NCS có thể nhận |
|-----------|---|--|---------------------------|
| 1 | Quản lý và lãnh đạo trong khu vực công | GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp PGS.TS Nguyễn Trúc Lê | 1 - 3 |
| 2 | Quản lý an ninh kinh tế | PGS.TS Nguyễn Trúc Lê PGS.TS Phạm Văn Dũng TS. Trần Quang Tuyền | 1 - 3 |
| 3 | Quản lý tài nguyên môi trường | PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp GS.TS Phan Huy Đường | 1 - 3 |
| 4 | Quản lý khoa học công nghệ | PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Nguyễn Thùy Anh | 1 - 3 |
| 5 | Quản lý nhân lực | GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Trần Đức Hiệp | 1 - 3 |
| 6 | Quản lý tài chính | GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê TS, Ngô Đăng Thành | 1 - 3 |
| 7 | Quản lý các tập đoàn, doanh nghiệp | GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp | 1 - 3 |
| 8 | Quản lý kinh tế các địa phương, khu vực | GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê PGS.TS Trần Đức Hiệp | 1 - 3 |
| 9 | Quản lý tri thức | GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê | 1 - 3 |